

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/HS-ST

Ngày 24 tháng 7 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lập;

2. Ông Nguyễn Văn Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Hải Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Kiều Quốc L, sinh ngày 03/11/1980 tại xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu 2, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Văn Kh, sinh năm 1934 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938; vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; con có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2018; hiện bị cáo tại ngoại tại xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị hại:

Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985 (Có mặt)

Trú tại: Khu 1, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1938 (Vắng mặt)
Trú tại: Khu 2, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/12/2017, Kiều Quốc L đến nhà anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985 ở khu 1, xã V, huyện L làm nghề mua bán và sửa chữa điện thoại tại nhà, để sửa chiếc điện thoại bị hỏng. Anh T hẹn L đến trưa ngày 21/12/2017 thì quay lại để lấy điện thoại; L đồng ý và ra về.

Khoảng 11 giờ ngày 21/12/2017, L đi bộ đến nhà anh T để lấy điện thoại như hẹn từ trước. Khi đến nơi, L gặp bà Phạm Thị B, sinh năm 1960 ở khu 1, xã V, huyện L (Là mẹ đẻ của anh T), bà B bảo anh T đi vắng nên L quay về nhà. Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, L quay lại nhà anh T mục đích gặp anh T để lấy điện thoại L nhờ anh T sửa. Khi đến nơi, thấy cửa nhà anh T mở, nên L đi vào gian phòng khách tầng 1, thấy trong tủ kính có trưng bày nhiều điện thoại di động, quan sát thấy không có ai, L nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại. L đi lại vị trí tủ kính, thấy cửa tủ kính không khóa, L dùng tay trái mở cánh cửa tủ kính, thò tay trái vào bên trong tủ lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi MiMax màu trắng, màn hình 6,5inch, cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng, đút chiếc điện thoại vừa trộm cắp được vào túi quần đang mặc và đi ra ghế tại phòng khách ngồi. Thấy không có ai phát hiện ra hành vi trộm cắp của mình, nên L đứng dậy đi về, giấu chiếc điện thoại trong buồng ngủ của mình. Đến khoảng 12 giờ 25 phút cùng ngày, L lại đến nhà anh T, tìm gặp anh T để lấy điện thoại mà L đưa anh T sửa, thấy cửa mở, L đi vào nhà, thấy bà Phạm Thị B đang ngủ trong buồng, L quay ra gian phòng khách, đi lại tủ trưng bày điện thoại của anh Nguyễn Hữu T, mở tủ lấy 04 chiếc điện thoại di động bao gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone 5, màu trắng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S, màu vàng đồng; 01 chiếc điện thoại Lenovo A680, màu đen, đều đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Note 4, màn hình 5 inch cảm ứng, chưa qua sử dụng. Sau đó Kiều Quốc L đi về nhà, lấy chiếc điện thoại đã trộm cắp từ trước, mang cả 05 chiếc điện thoại, đi bộ từ nhà đến khu vực chợ Trung Tâm, thành phố V, L gặp một người xe ôm khoảng 40 tuổi, L không biết tên, tuổi, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng, sau khi thỏa thuận giá cả, L đã

bán 05 chiếc điện thoại trên cho người xe ôm này, với giá 8.250.000 đ (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này, L đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất 05 chiếc điện thoại di động trên, ngày 23/01/2018, anh T đã trình báo đến Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Thao đề nghị được xem xét, giải quyết.

Tại bản kết luận số 02 ngày 29 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện L kết luận: 05 chiếc điện thoại do Kiều Quốc L trộm cắp trị giá 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Căn cứ kết quả xác minh, điều tra, ngày 21/3/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Thao ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Kiều Quốc L về hành vi Trộm cắp tài sản.

Quá trình điều tra, đã xác định, ngày 21/12/2017, sau khi xem lại camera giám sát, anh Nguyễn Hữu T phát hiện, Kiều Quốc L là người lấy trộm 05 chiếc điện thoại di động của mình, anh T đã đến nhà tìm gặp L và mẹ L là bà Nguyễn Thị L để nói lại sự việc trên, mẹ L và L đã đến nhà gặp, thỏa thuận trả anh T tổng số 12.500.000 đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) tương ứng với giá trị của 05 chiếc điện thoại. Anh T không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Vật chứng vụ án: quá trình điều tra, anh Nguyễn Hữu T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện L dữ liệu video camera giám sát của gia đình anh T có dung lượng 298,976 KB, ghi lại cảnh Kiều Quốc L trộm cắp 05 chiếc điện thoại di động của anh T vào ngày 21/12/2017, dữ liệu này đã được sao sang đĩa CD lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 20/CT-VKSLT ngày 05/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đã truy tố: Kiều Quốc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, sau khi công bố Cáo trạng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao bổ sung thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: phạm tội 02 lần trở lên, rút một tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với bị cáo Kiều Quốc L và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Kiều Quốc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138 của bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Kiều Quốc L từ 06(Sáu) đến 08(Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Thao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Kiều Quốc L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Khoảng 11 giờ 40 phút và 12 giờ 25 phút ngày 21/12/2017, do lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản tại nhà ở gia đình anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985 thuộc khu 01, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ, Kiều Quốc L đã có hành vi trộm cắp 05 chiếc điện thoại di động với tổng giá trị là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm; chứng cứ và tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý và là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 như kết luận của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 7 của Bộ luật Hình sự 2015 quy định:

“1. Điều luật được áp dụng đối với một hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện”.

Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 7 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14, hành vi phạm tội của bị cáo Kiều Quốc L xảy ra ngày 21 tháng 12 năm 2017 nên được xử lý theo

khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện L là phù hợp pháp luật.

Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa hôm nay và toàn bộ quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình điều tra bị cáo có tác động đến gia đình về việc chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại, sau đó mẹ đẻ bị cáo đưa cho bị cáo số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) để bị cáo khắc phục hậu quả, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nên chỉ cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian ngắn cũng đủ điều kiện để bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh của Cơ quan điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa xét thấy bị cáo không có tài sản gì, không có thu nhập nên Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[5] Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, anh Nguyễn Hữu T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Thao dữ liệu video camera giám sát của gia đình anh T có dung lượng 298,976 KB, ghi lại cảnh Kiều Quốc L trộm cắp 05

chiếc điện thoại di động của anh T vào ngày 21/12/2017, dữ liệu này đã được sao sang đĩa CD lưu trong hồ sơ vụ án, xét thấy tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy người bị hại là anh Nguyễn Hữu T đã nhận lại số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo trộm cắp 05 chiếc điện thoại di động và không yêu cầu gì thêm (Theo giấy biên nhận ngày 23 và 24/12/2017) nên cần được xác nhận là phù hợp.

Đối với số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị L đưa cho bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả bà L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) xét thấy là phù hợp không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[1] Tuyên bố bị cáo Kiều Quốc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Kiều Quốc L 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2] Vật chứng vụ án: Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01 đĩa CD là dữ liệu video sao từ camera giám sát của gia đình anh T có dung lượng 298,976 KB, ghi lại cảnh Kiều Quốc L trộm cắp 05 chiếc điện thoại di động của anh T vào ngày 21/12/2017.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Xác nhận anh Nguyễn Hữu T đã nhận số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) do Kiều Quốc L bồi thường 05 chiếc điện thoại mà Kiều Quốc L đã trộm cắp theo giấy biên nhận ngày 23 và 24/12/2017.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Kiều Quốc L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã V;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Kim Nguyên